TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phùng Mỹ L, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Q, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Anh D, thể hiện*:

Anh D và chị Phùng Mỹ L chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã Q, tỉnh Cà Mau). Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn nên đã sống ly thân cách nay 03 năm. Từ nguyên nhân trên, anh D xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung, gồm: Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 13/8/2009 do anh D nuôi dưỡng cùng gia đình và Nguyễn Thúy A, sinh ngày 06/6/2019 do chị L đang nuôi dưỡng cùng gia đình. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi Thùy L1 và đồng ý giao Thúy An cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Đối với chị Phùng Mỹ L*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý

vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị L không có ý kiến gì về các nội dung anh D yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Phùng Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D, chị L là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Anh D và chị Phùng Mỹ L chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh C. Theo anh D, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn nên đã sống ly thân cách nay 03 năm, do đó, anh D xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị L; chị L không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của anh D và chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, anh D yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị L đều vắng mặt, thể hiện việc chị L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh D ly hôn với chị L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu về việc nuôi con sau khi ly hôn của anh D, thấy rằng:

Theo anh D thì hiện nay anh đang nuôi dưỡng Nguyễn Thùy L1, còn chị L đang nuôi dưỡng Nguyễn Thúy A nên khi ly hôn anh D yêu cầu giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay.

Xét thấy, Thùy L1 do anh D đang tực tiếp nuôi dưỡng, việc anh D yêu cầu được nuôi Thùy Lâm phù hợp với nguyện vọng của cháu và đồng ý giao Thúy An cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; chị L không có ý kiến gì về yêu cầu của anh D về nội dung này; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên việc nuôi dưỡng như hiện nay là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Anh Duy xác định không có; chị L không có ý kiến nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh D. Cho anh D được ly hôn với chị Phùng Mỹ L (giấy chứng nhận kết hôn số 31/2013 ngày 05/3/2013 của UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh C).

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 13/8/2009 cho anh Nguyễn Anh D tiếp tục nuôi dưỡng và giao Nguyễn Thúy A, sinh ngày 06/6/2019 cho chị P Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0012022 ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì anh D đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn